| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 236/2020/DS-PT
Ngày 02/12/2020
*V/v* "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị An Tiên.**

*Các thẩm phán*: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**;

Bà **Dương Thúy Hằng**.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Lâm Thị Nguyện** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*** Bà **Nguyễn Thị Bé Thi** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2020/TLPT–DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 239/2020/QĐPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số nhà A, đường B, khu phố C, phường D, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Thị H: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1976; trú tại: Số E, tổ F, đường S, Khu phố L, phường D, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. – Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Trịnh Văn T** (tên tH gọi: T1), sinh năm 1986; chị **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1990; Cùng trú tại: Số C, tổ E, Đường F, ấp PT, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. - Có mặt.

- Người kháng cáo: Anh Trịnh Văn T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 10 tháng 9 năm 2018 và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:***

Ngày 15-8-2016, anh Trịnh Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L vay của chị Trần Thị H 800.000.000 đồng để làm ăn; lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, khi nào chị H có cần thì anh T, chị L trả. Khi vay, anh T, chị L viết giấy và ký tên. Đến nay anh T, chị L không trả theo thỏa thuận.

Ngày 26-10-2016 anh T, chị L có vay của chị H số tiền 550.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng. Khoản vay này anh T, chị L đã chuyển khoản trả cho chị H, không phải trả số tiền nợ 800.000.000 đồng ngày 15-8-2016. Nay chị H yêu cầu anh T, chị L trả số tiền 800.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

**** Bị đơn anh Trịnh Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:***

Do quen biết chị H nên vợ chồng anh chị có mượn tiền của chị H tổng cộng 03 lần, mượn rồi trả. Ngày 15-8-2016 có vay số tiền 800.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả, vợ chồng anh, chị đã chuyển khoản cho chị H trả 550.000.000 đồng tiền gốc, trả tiền lãi đầy đủ mỗi tháng đến trước khi chị H khởi kiện một tháng. Thời gian đầu mỗi tháng trả 24.000.000 đồng. Sau đó giảm dần khi vợ chồng anh, chị trả số 550.000.000 đồng tiền gốc thì có bao nhiêu trả bấy nhiêu không nhất thiết trả lãi hàng tháng; việc trả vốn gốc và lãi có khi trả tiền mặt có khi chuyển khoản.

Đối với giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 26-10-2016 mượn số tiền 550.000.000 đồng là chữ ký chữ viết của anh T nhưng vợ chồng anh, chị đã trả bằng tiền mặt cho chị H và chị H đã gạt bỏ giấy nợ, không liên quan đến số tiền 800.000.000 đồng; chị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh, chị trả số tiền 800.000.000 đồng anh, chị không đồng ý; vì đã trả 550.000.000 đồng, còn nợ 250.000.000 đồng; đồng ý trả số tiền 250.000.000 đồng.

*Tại bản án sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh quyết định:*

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H đối với anh Trịnh Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L. Buộc anh Trịnh Văn Tvà chị Nguyễn Thị Mỹ L có trách nhiệm trả cho Trần Thị H số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Ghi nhận chị H không yêu cầu tính Lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi chậm trả, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

*** Nội dung kháng cáo:** Ngày 10-9-2020 anh Trịnh Văn Tcó đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết xem xét thừa nhận anh chị chỉ còn nợ chị H số tiền 250.000.000 đồng.

**Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định anh T và chị L vay của chị H 800.000.000 đồng ngày 15/8/2016 lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, vay 550.000.000 đồng ngày 26/10/2016; 02 khoản vay này anh T chị L đều có viết giấy vay tiền trong sổ nợ của chị H.

**[2]** Anh T chị L cho rằng, khoản vay 800.000.000 đồng anh T và chị L đã chuyển khoản 550.000.000 đồng trả cho chị H có Giấy chuyển tiền qua Ngân hàng Sacombank ngày 13/12/2016; còn khoản vay 550.000.000 đồng ngày 26/10/2016 anh chị đã trả cho chị H trực tiếp bằng tiền mặt. Nhưng chị H chỉ xác nhận, 550.000.000 đồng anh T chị L chuyển khoản cho chị ngày 13/12/2016 là để trả cho khoản vay 550.000.000 đồng vay ngày 26/10/2016. Như vậy anh T không có chứng cứ chứng minh đã trả cho chị H 550.000.000 đồng cho khoản vay 800.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc anh T chị L trả cho chị H 800.000.000 đồng là có căn cứ; anh T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên kháng cáo của anh T không có cơ sở chấp nhận.

**[3]** Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T cho rằng đã trả tiền lãi cho chị H từ ngày vay đến trước khi chị H khởi kiện vợ chồng anh 01 tháng. Tiền lãi anh chị trả cho chị H bằng tiền mặt, có khi chuyển khoản nên không nhớ đã trả chính xác bao nhiêu tiền. Tại Tòa án cấp sơ thẩm anh chị cho rằng tiền lãi đã trả cho chị H tổng cộng 99.000.000 đồng. Tuy nhiên, tiền lãi nếu tính từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm, thì khoản tiền lãi anh T và chị L phải trả cho chị H nhiều hơn khoản tiền 99.000.000 đồng. Nhưng do chị H không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bị đơn nên yêu cầu tính lại tiền lãi của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

**[4]** Về án phí phúc thẩm: Anh T phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Trịnh Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 30 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H đối với anh Trịnh Văn Tvà chị Nguyễn Thị Mỹ L. Buộc anh Trịnh Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L có trách nhiệm trả cho Trần Thị H số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi.

**2.** Chi phí tố tụng: Ghi nhận chị H tự nguyện chịu tiền giám định 2.040.000 đồng; ghi nhận đã nộp xong.

**3.** Án phí sơ thẩm dân sự:

Anh Trịnh Văn T và chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh chị đã nộp theo biên lai thu số 0001836 ngày 04-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Anh T, chị L còn phải nộp 35.700.000 đồng.

Hoàn trả cho chị H 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006022 ngày 18-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

**4.** Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Trịnh Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000521 ngày 11-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh T đã nộp xong khoản tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã kí)

**Nguyễn Thị An Tiên**

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh;
- TAND tp Tây Ninh;
- Chi cục tp Tây Ninh;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.